SỨC KHỎE QUANH RĂNG NGƯỜI TRƯỞNG THÀNH VÙNG NÚI PHÍA BẮC

Trịnh Đình Hải[1], Trịnh Hải Anh[1,2]

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Vùng núi phía Bắc còn hạn chế về mạng lưới nha khoa và khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc răng miệng. Nghiên cứu sức khỏe quanh răng nhằm cung cấp cơ sở dữ liệu cho hoạch định chính sách.

Mục tiêu: Đánh giá thực trạng và diễn biến sức khỏe quanh răng người trưởng thành vùng núi phía Bắc trong hơn hai thập niên.

Đối tượng và phương pháp: Người trưởng thành được chọn ngẫu nhiên phân tầng qua nhiều giai đoạn. Bác sĩ Răng Hàm Mặt được tập huấn thống nhất phương pháp khám; dữ liệu được mã hóa và xử lý bằng thống kê y học.

Kết quả: Tỷ lệ chảy máu lợi là 45,2%–56,4%; tỷ lệ có túi lợi nông 3,0%–22,1%, có xu hướng tăng theo tuổi. Tỷ lệ răng không có túi lợi đạt 79,51%–98,31%, giảm theo tuổi. So với năm 1999, các chỉ số sức khỏe quanh răng hiện nay được cải thiện rõ rệt.

Kết luận: Sức khỏe quanh răng giảm theo tuổi nhưng đã cải thiện rõ rệt so với hơn hai thập niên trước.

Từ khóa: túi lợi, vùng lục phân

SUMMARY

PERIODONTAL HEALTH OF ADULTS IN THE NORTHERN MOUNTAINOUS REGION

Background: The northern mountainous region of Vietnam has limited dental care infrastructure and access to oral healthcare services. Assessing periodontal health provides a basis for developing oral healthcare policies.

Objective: To assess the current periodontal health status and its changes among adults in the northern mountainous region over more than two decades.

Subjects and Methods: Adults were selected using multistage stratified random sampling. Dentists were trained and calibrated to standardize the examination procedures. Data were coded and analyzed using medical statistical methods.

Results: The prevalence of gingival bleeding ranged from 45.2% to 56.4%, while the prevalence of shallow periodontal pockets ranged from 3.0% to 22.1%, with a tendency to increase with age. The proportion of teeth without periodontal pockets ranged from 79.51% to 98.31% and decreased with age. Compared with 1999, periodontal health indicators have improved markedly.

Conclusion: Periodontal health deteriorates with age but has improved markedly compared with more than two decades ago.

Keywords: gingival pocket, sextant.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng núi phía Bắc gồm hai tiểu vùng là Đông Bắc Bộ và Tây Bắc Bộ với 9 tỉnh là Điện Biên, Lai Châu, Sơn La, Lào Cai, Tuyên Quang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Cao Bằng và Lạng Sơn. Đây là vùng đa dân tộc, giàu văn hóa, kinh tế chủ yếu dựa vào nông nghiệp và lâm nghiệp, và còn nhiều khó khăn. Về y tế, mạng lưới nha khoa vùng núi phía Bắc còn kém phát triển so với vùng đồng bằng, và có một tỷ lệ còn khó khăn tiếp cận các dịch vụ chăm sóc răng miệng. Để có số liệu làm cơ sở cho việc hoạch định các chính sách chăm sóc răng miệng cộng đồng, chúng tôi nghiên cứu về sức khỏe quanh răng người trưởng thành vùng núi phía Bắc với các mục tiêu là:

- Đánh giá thực trạng sức khỏe quanh răng người trưởng thành ở đây hiện nay

- Phân tích diễn biến sức khỏe quanh răng người trưởng thành ở đây trong hơn hai thập niên qua.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng là người trưởng thành vùng núi phía Bắc được chọn ngẫu nhiên phân tầng qua nhiều giai đoạn. Bước đầu là chọn ngẫu nhiên các tỉnh thành, tiếp theo là chọn ngẫu nhiên các xã phường, và cuối cùng là chọn ngẫu nhiên các cá thể dựa vào danh sách của các cụm dân cư.

Người khám răng miệng là các bác sĩ răng hàm mặt được tập huấn để thống nhất cách khám, cách đánh giá tình trạng mô quanh răng. Các thông tin về kết quả khám mô quanh răng của từng cá thể được mã hóa và điền vào phiếu in sẵn. Các số liệu được xử lý theo phương pháp thống kê y học.

[1]*Trường Đại học Y Dược*
[2]*Bệnh viện Răng Hàm Mặt Trung Ương Hà Nội*
Tác giả chịu trách nhiệm chính: Trịnh Đình Hải
Email: haitdnhos@gmail.com
Mã bài: N798
Ngày nhận bài: 25/5/2026
Ngày phản biện khoa học: 20/5/2026
Ngày duyệt bài: 15/7/2026

III. KẾT QUẢ VÀ BÀN LUẬN

Tình trạng sức khỏe mô quanh răng người trưởng thành vùng núi phía Bắc được trình bày ở các bảng 1,2,3,4 và 5.

Bảng 1. Tỷ lệ người có chảy máu lợi theo tuổi ở vùng núi phía Bắc

Tuổi	Có chảy máu lợi		Không chảy máu lợi	
	n	%	n	%
18-34	90	45.2	109	54.8
35-44	94	47.7	103	52.3
45-64	102	56.4	79	43.6
≥ 65	9	47.4	10	52.6

Kết quả ở bảng 1 cho thấy có từ 45.2% đến 56.4% người trưởng thành có chảy máu lợi và tỷ lệ này tùy thuộc vào lứa tuổi. Người trưởng thành 18-34 tuổi có tỷ lệ chảy máu lợi thấp nhất và ở mức 45.2%, người từ 45-64 tuổi có tỷ lệ chảy máu lợi cao nhất và ở mức 56.4%.

Bảng 2. Tỷ lệ người có túi lợi theo tuổi

Tuổi	Không có túi lợi		Có túi lợi nông		Có túi lợi sâu		Mất toàn bộ răng	
	n	%	n	%	n	%	n	%
18-34	193	97.0	6	3.0	0	0.0	0	0.0
35-44	181	91.9	15	7.6	1	0.5	0	0.0
45-64	139	76.8	40	22.1	2	1.1	0	0.0
≥ 65	14	73.7	4	21.1	0	0.0	1	5.3

Kết quả ở bảng 2 cho thấy từ 73.7% đến 97.0% người không có túi lợi quanh răng, và tỷ lệ này giảm xuống theo tuổi. Có từ 3.0% đến 22.1% người có túi lợi nông và nhìn chung tỷ lệ người có túi lợi gia tăng theo tuổi. Riêng người từ 65 tuổi trở lên có 21.1% người có túi lợi, thấp hơn nhóm tuổi từ 45 đến 64 tuổi nhưng lại có tỷ lệ mất răng toàn bộ cao hơn và ở mức 5.3% các kết quả này cho thấy sức khỏe quanh răng người trưởng thành giảm dần theo tuổi.

Bảng 3. Tỷ lệ răng theo sức khỏe mô quanh răng

Tuổi	Không có túi lợi		Túi lợi nông		Túi lợi sâu		Không xác định	
	n	%	n	%	n	%	n	%
18-34	5478	98.31	20	0.36	0	0.0	74	1.33
35-44	5278	95.69	65	1.18	2	0.04	171	3.10
45-64	4477	88.34	203	4.01	8	0.16	384	7.50
≥ 65	423	79.51	17	3.20	0	0.0	92	17.29

Kết quả ở bảng 3 cho thấy có từ 79.51% đến 98.31% các răng không có túi lợi. Tỷ lệ này giảm xuống theo tuổi, cao nhất ở nhóm 18-34 tuổi và ở mức 98.3%, và thấp nhất là ở nhóm người từ 65 tuổi trở lên và ở mức 79.51%.

Bảng 4. Tỷ lệ người có từ 3 vùng lục phân trở lên không có túi quanh răng

Tuổi	n	Có (%)	Không (%)
18-34	199	100.0	0.0
35-44	195	99.0	1.0
45-64	166	91.7	8.3
≥ 65	13	68.4	22.6

Kết quả ở bảng 4 cho thấy toàn bộ người trong nhóm tuổi 18-34 có từ 3 vùng lục phân mô quanh răng lành mạnh trở lên. Ở các nhóm tuổi cao hơn thì tỷ lệ này giảm xuống tương ứng với tuổi và thấp nhất ở người từ 65 tuổi trở lên và ở mức 68.4%

Bảng 5. Số trung bình vùng lục phân có túi lợi

Tuổi	n	Không có túi lợi	Có túi lợi nông	Có túi lợi sâu	Loại trừ
18-34	199	5.89	0.04	0.00	0.07
35-44	197	5.68	0.11	0.00	0.21
45-64	181	5.09	0.38	0.02	0.51
≥ 65	19	3.89	0.32	0.00	1.79

Kết quả ở bảng 5 cho thấy số trung bình vùng lục phân không có túi lợi giảm dần theo tuổi, cao nhất ở nhóm 18-34 tuổi với mức 5.89 vùng và thấp nhất ở nhóm người từ 65 tuổi trở lên với 3.89 vùng.

Tình trạng sức khỏe quanh răng người trưởng thành vùng núi phía Bắc hiện nay so với hơn hai thập niên trước được trình bày ở các bảng 6,7,8,9

Bảng 6. So sánh tỷ lệ người có từ 3 vùng lục phân lành mạnh trở lên theo tuổi

Tuổi	Hiện nay		1999	
	n	Có (%)	n	Có (%)
18-34	199	100.0	102	5.4
35-44	195	99.0	98	1.5
≥ 45			96	10.1
45-65	166	91.7		
≥ 65	13	68.4		

Kết quả ở bảng 6 cho thấy, tỷ lệ người trưởng thành vùng núi phía Bắc hiện nay có từ 3 vùng lục phân lành mạnh trở lên cao hơn nhiều so với hơn hai thập niên trước ở tất cả các lứa tuổi.

Bảng 7. So sánh tỷ lệ có túi lợi ở nhóm 18-34 tuổi ở vùng núi phía Bắc

Tuổi	Năm	Không có túi lợi (%)	Túi lợi nông (%)	Túi lợi sâu (%)	Loại trừ (%)
18-34	Hiện nay	97.0	3.0	0.0	0.0
18-34	1999	63.6	31.4	5.0	0.0

Kết quả ở bảng 7 cho thấy tỷ lệ người từ 18-34 tuổi hiện nay ở vùng núi phía Bắc không có túi lợi cao hơn năm 1999 và ở mức 97.0% ($p<0.05$).

Bảng 8. So sánh tỷ lệ có túi lợi ở nhóm 35-44 tuổi ở vùng núi phía Bắc

Tuổi	Năm	Không có túi lợi (%)	Túi lợi nông (%)	Túi lợi sâu (%)	Loại trừ (%)
35-44	Hiện nay	91.9	7.6	0.5	0.0
35-44	1999	47.4	51.1	1.5	0.0

Kết quả ở bảng 8 cho thấy hiện nay người từ 35-44 tuổi ở vùng núi phía Bắc có tỷ lệ người không có túi quanh răng là 91.9%, cao hơn so với hơn hai thập niên trước (p<0.05).

Bảng 9. So sánh tỷ lệ có túi lợi ở người từ 45 tuổi trở lên

Năm	Tuổi	Không có túi lợi (%)	Túi lợi nông (%)	Túi lợi sâu (%)	Loại trừ (%)
Hiện nay	45-64	76.8	22.1	1.1	0.0
	≥ 65	73.7	21.1	0.0	5.3
1999	≥ 45	25.9	52.5	18.4	3.2

Kết quả ở bảng 9 cho thấy hiện nay người cao tuổi vùng núi phía Bắc có tỷ lệ không có túi quanh răng cao hơn so với hai thập niên trước (p<0.05).

Bảng 10. So sánh số trung bình vùng lục phân không có túi quanh răng theo tuổi

Tuổi	Hiện nay		1999	
	n	vùng	n	vùng
18-34	199	5.89	102	5.0
35-44	197	5.68	98	2.18
≥ 45			96	2.81
45-64	181	5.09		
≥ 65	19	3.89		

Kết quả ở bảng 10 cho thấy hiện nay số trung bình vùng lục phân không có túi quanh răng cao hơn so với hơn hai thập niên trước ở tất cả các lứa tuổi. Trong suốt hơn hai thập niên qua, số trung bình vùng lục phân không có túi quanh răng giảm dần theo tuổi.

Bảng 11. So sánh số trung bình vùng lục phân có túi quanh răng nông ở người trưởng thành.

Tuổi	Hiện nay		1999	
	n	vùng	n	vùng
18-34	199	0.04	102	0.80
35-44	197	0.11	98	1.69
≥ 45			96	1.36
45-64	181	0.38		
≥ 65	19	0.32		

Kết quả ở bảng 11 cho thấy số trung bình vùng lục phân có túi quanh răng nông hiện nay thấp hơn so với năm 1999 đáng kể (p<0.01).

Bảng 12. So sánh số trung bình vùng lục phân có túi quanh răng sâu ở người trưởng thành

Tuổi	Hiện nay		1999	
	n	vùng	n	vùng
18-34	199	0.0	102	0.05
35-44	197	0.0	98	0.03
≥ 45			96	0.54
45-64	181	0.02		
≥ 65	19	0.0		

Kết quả ở bảng 12 cho thấy số trung bình vùng lục phân có túi quanh răng sâu hiện nay thấp hơn đáng kể so với hơn hai thập niên trước ở tất cả các lứa tuổi ($p<0.05$).

Các kết quả so sánh về các chỉ số đánh giá tình trạng quanh răng được trình bày ở các bảng từ 6 đến bảng 12 đều cho thấy, sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng núi phía Bắc hiện nay tốt hơn so với hơn hai thập niên trước.

IV. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu, bàn luận diễn biến sức khỏe quanh răng cộng đồng người trưởng thành vùng núi phía Bắc trong hơn hai thập niên qua, chúng tôi rút ra kết luận là:

1 Về sức khỏe mô quanh răng hiện nay.

- Có một nửa số người trưởng thành có chảy máu lợi và có xu hướng gia tăng theo tuổi.

- Có từ 3% đến 23.2% người có túi quanh răng và có xu hướng gia tăng theo tuổi.

- Có từ 79.51% đến 98.31% các răng có mô quanh răng tốt và có xu hướng giảm dần theo tuổi.

- Từ lứa tuổi trung niên trở lên có từ 68.4% đến 99.0% người có sức khỏe quanh răng ở mức chấp nhận được và có xu hướng giảm dần theo tuổi.

2. Về diễn biến sức khỏe quanh răng trong hơn hai thập niên qua.

Sức khỏe mô quanh răng ở cộng đồng người trưởng thành vùng núi phía Bắc đã được cải thiện rõ rệt so với hơn hai thập niên qua.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Trịnh Hải Anh, Chu Thị Quỳnh Hương, Đinh Diệu Hồng và cộng sự.** Khảo sát lợi dính ở nam giới trưởng thành. Tạp chí Y học Việt Nam, Số 2, tháng 3. Hà Nội, 2025.
2. **Trịnh Đình Hải.** Bệnh học quanh răng. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, 2013.
3. **Trịnh Đình Hải, Nguyễn Thị Hồng Minh, Trần Cao Bính.** National Oral Health Survey of Vietnam 2019. Medical publishing house. Hanoi 2019.
4. **Maria E. Itoiz, Fermin A. Carranza.** Clinical periodontology. Philadelphia, 2019.